TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2020/DS-PT
Ngày: 05 - 5 - 2020
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLPT - DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 621/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1955; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988. (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017); Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc A** và ông **Phạm Văn N** – Luật sư văn phòng Luật sư Q. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Dương Văn H** (Dương H), sinh năm 1953; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1974. (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019) ; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trịnh Văn H1** – Trợ giúp viên pháp lý; Có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn M** – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê C** – Chuyên viên phòng Tài nguyên & Môi trường; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1991.

- Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1974.

- Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1976.

- Ông **Dương Văn N**, sinh năm 1990.

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1956.

- Bà **Phạm Thị C.**

- Bà **Phạm Thị H2.**

- Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N,Quảng Nam.

- Bà **Dương Thị V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N, bà Dương Thị H, bà Dương Thị V, ông Dương Văn N, bà Dương Thị L: Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019); Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H2: **Ông Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị B là ông Phạm Văn Đ trình bày:

Nguyên trước đây ông nội của ông là ông Phạm Đ và bà Trần Thị V (Đã chết) có khai hoang vỡ hóa thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện N. Sau thời gian sử dụng ông nội ông có cho bà Phạm Thị L, em ruột diện tích đất 400m^2 để ở, bà L và ông nội ông thống nhất trồng hàng dừa làm ranh giới và đã đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất 471, tờ bản đồ số 1. Sau khi bà L mất thì ông Dương Văn H là con trai bà L tiếp tục sử dụng và quản lý diện tích đất 400m^2. Gia đình ông thống nhất giao nhà và toàn bộ diện tích đất khoảng 1200m^2 của ông nội ông để lại cho cha mẹ ông quản lý,sử dụng, giữa hai thửa đất đó có ranh giới là hàng dừa của bà Phạm Thị L trồng. Trong quá trình sử dụng thì ông H đã tự ý chặt dừa, đào gốc và tiến hành làm nhà, xây dựng hàng dừa lấn qua thửa đất của gia đình ông. Gia đình ông khiếu nại gởi đến UBND xã và UBND xã hòa giải cho rằng hộ ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vượt quá 285m^2 là sai sót của chính quyền địa phương. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn H trả lại diện tích đất lấn chiếm 285m^2 cho bà và yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G689398 do UBND huyện N cấp ngày 01/4/1996 cho hộ ông Dương Văn H đối với thửa đất số 153/2, tờ bản đồ số 01, diện tích 685m^2.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn H là ông Dương Văn Q trình bày ý kiến:

Diện tích thửa đất số 153/2, tờ bản đồ số 01, diện tích 685m^2, đất thổ cư mà hiện nay hộ gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc do bà Phạm Thị L đã sử dụng ổn định để làm vườn và làm nhà từ trước năm 1975, ông H đã đăng ký diện tích đất này theo Nghị định 64/CP và đến năm 1996 thì được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 685m^2, hộ gia đình ông H đã sử dụng ổn định để làm vườn và làm vườn cho đến nay. Năm 2011 UBND xã T hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông và ông Phạm C thì kết luận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn H và ông Dương Văn Q là đúng. Sau khi hòa giải năm 2014 ông C tự ý trồng trụ bê tông và làm hàng rào trên diện tích đất của nhà ông, ông có ngăn cản nhưng ông C vẫn tiếp tục làm đường đi trên diện tích đất của nhà ông. Nay bà B khởi kiện ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam do ông Lê C đại diện trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP, hộ ông Dương Văn H đứng tên chủ sử dụng đất thửa đất 153/2, tờ bản đồ số 01, diện tích 685m^2, loại đất ở và vườn. Ngày 04/01/1996, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông

Dương Văn H là đúng theo quy định của Nghị định 64/CP ngày 17/9/1993 của Chính phủ. Nay UBND huyện N đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166; 167; 168; 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 163, 164 và 166 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt" đối với bị đơn ông Dương Văn H.

Buộc hộ ông Dương Văn H trả lại cho hộ bà Võ Thị B diện tích đất lấn chiếm 119,9m^2 tại thửa đất 153/2, tờ bản đồ số 01 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G689398 mà UBND huyện N cấp cho hộ ông Dương H tại thửa đất 153/2, tờ bản đồ số 01, diện tích 119,9m^2; theo hồ sơ cơ sở dữ liệu thuộc thửa 243, tờ bản đồ số 03 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, ông Dương Văn H phải chịu 5.000.000 đồng. Bà Võ Thị B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá là 10.000.000 đồng. Do đó, ông Dương Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Võ Thị B khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày các bên đương sự có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25/11/2019, bị đơn – ông Dương Văn H kháng cáo cho rằng: Bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B, tự ý lấy đất của gia đình Ông cho bà B là hoàn toàn không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật, không căn cứ vào hồ sơ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất; ngày 28/4/2012, ông Dương Văn H có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ và cho rằng: Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ông Phạm Văn Đ sinh năm 1988 người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị B hiện nay đang là cán bộ công an huyện N, tỉnh Quảng Nam là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năn 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam vì: ông Phạm Văn Đ sinh năm 1988 hiện là cán bộ công an huyện N, tỉnh Quảng Nam nhưng lại tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho nguyên đơn – bà Võ Thị B và đại diện cho 2 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại tại khoản 3 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự năn 2015.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn – ông Dương Văn H cho rằng: Bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B, buộc ông phải trả lại cho bà Võ Thị B 119,9m^2 đất là hoàn toàn không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật, Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, ông Phạm Văn Đ sinh năm 1988 người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị B hiện nay đang là cán bộ công an huyện N, tỉnh Quảng Nam là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năn 2015 thì thấy:

[1.1]. Xét nội dung kháng cáo liên quan đến người tham gia tố tụng trong vụ án thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn Đ đã xác định: Ông Phạm Văn Đ hiện nay là Công an đang công tác tại Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam, cấp bậc Trung úy. Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định: Nguyên đơn: bà Võ Thị B, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: ông Phạm Văn Đ (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2017), ngoài ra ông Phạm Văn Đ còn đại diện cho các bà: Phạm Thị C và Phạm Thị H2 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Khoản 3 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: " *Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự, trừ trường hợp họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật* ". Đối chiếu với quy định được trích dẫn ở trên thì ông Phạm Văn Đ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho các đương sự khác trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng về

thủ tục tố tụng ảnh hướng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Do hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo khác của bị đơn – ông Dương Văn H.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn – ông Dương Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn – ông Dương Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Nam;*
- *Chi cục THADS tỉnh Quảng Nam;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến